

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN UYÊN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 18-5-2020  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bích Hạnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Minh Phụng;
2. Bà Huỳnh Thị Lượng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trọng Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Bồ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXX-ST ngày 29 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1991; địa chỉ thường trú: Thôn T, xã N, huyện Gi, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Khu phố L, phường B, thị xã U, tỉnh Bình Dương; có mặt.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: Ấp H, xã Gi, huyện T, tỉnh An Giang; tạm trú: Tổ M, khu phố L, phường B, thị xã U, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày: Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn M tự tìm hiểu nhau, sau thời gian tìm hiểu thấy hợp nhau nên quyết định tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2015 ngày

09-02-2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 9 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên gây gổ cãi vã không tìm được tiếng nói chung, sống chung nhà nhưng không quan tâm nhau, mạnh ai người đó sống. Vợ chồng cũng đã sống ly thân từ tháng 9-2017 đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Bà Th nhận thấy tình cảm không còn, xung đột và mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa nên bà Th yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trí H, sinh ngày 17-12-2015. Khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu ông Nguyễn Văn M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập đúng quy định pháp luật nhưng ông M không đến Tòa án để làm việc. Tuy nhiên, ông M có nộp bản tự khai trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Th: Ông M và bà Th quen biết, tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2015 ngày 09-02-2015. Quá trình chung sống thì bà Th tự ý bỏ nhà đi từ năm 2017 cho đến nay. Ông M đồng ý ly hôn với bà Th; về con chung có 01 con chung tên Nguyễn Trí H, sinh ngày 17-12-2015. Khi ly hôn, ông M đồng ý để bà Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông M không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên. Đối với bị đơn vắng mặt nhưng đã có lời khai trình bày ý kiến và có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn M tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 01 vào ngày 09-02-2015. Quá trình

chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, bà Th yêu cầu được ly hôn ông M đồng ý. Bà Th yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu ông M cấp dưỡng. Về tài sản chung, vợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Th.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Th có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn M và yêu cầu được quyền nuôi con sau khi ly hôn nên đây là vụ án “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông Nguyễn Văn M có đăng ký tạm trú và hiện đang sinh sống tại địa chỉ: Tổ 1, khu phố Khánh Lộc, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông M xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án vắng mặt ông M theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn M tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2015 ngày 09-02-2015 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét mâu thuẫn vợ chồng bà Th và ông M không còn sống chung, vợ chồng tự chăm lo cho cuộc sống của bản thân, không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên tình yêu thương, trách nhiệm, nghĩa vụ, sự quan tâm, chăm sóc nhau. Tuy nhiên, Th và ông M thường xảy ra mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, việc bà Th yêu cầu ly hôn với ông M là có cơ sở phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trí H, sinh ngày 17-12-2015. Khi ly hôn, bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu ông M phải cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử, xét thấy: Hiện nay cháu Nguyễn Trí H còn nhỏ, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu H do bà Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, tại bản tự khai ngày 22-4-2020 ông M đồng ý để bà Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung và ông M không cấp dưỡng nuôi con. Do đó, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trí H của bà Th là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Bà Th không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà Th.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con với ông Nguyễn Văn M.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trí H, sinh ngày 17-12-2015 cho bà Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn M đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0037627 ngày 11-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- UBND xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Bích Hạnh**

